

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2020/DS-ST

Ngày 31-12-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Xuân Bình.

Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lê Thị Đ**, sinh năm 1958.

Cư trú: Ấp Thạnh Thới, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1/ **Lưu Minh T**, sinh năm 1980;

2/ **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1980.

Cùng cư trú: Ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(chị Đ có mặt; anh T, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Đ trình bày:

Vào ngày 20/6/2019 (âm lịch), vợ chồng anh Lưu Minh T, chị Trần Thị Ngọc H có mượn chị số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có làm giấy mượn tiền, thời gian là 01 năm trả lại vốn, không tính lãi với thỏa thuận “*Nếu Tòa án Tiền Giang xử vụ kiện đất sân Patin giữa nguyên đơn Lưu Minh T, Trần Thị Ngọc H và bị đơn Hà Văn M trước thì anh T, chị H trả trước hợp đồng là 100.000.000 đồng nếu không thì đúng một năm sẽ trả vào ngày 20/6/2020 âm lịch*”.

Nay đã quá một năm nhưng anh T, chị H không thực hiện đúng theo như thỏa thuận nên chị Đ yêu cầu anh T, chị H trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 20/6/2020 âm lịch đến ngày nộp đơn khởi kiện là 2,5 tháng, tạm tính là: 100.000.000 đồng x 2,5 tháng x 0,83%/tháng = 2.075.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 102.075.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trần Thị Ngọc H và anh Lưu Minh T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

* Tại phiên tòa, chị Đ yêu cầu anh T, chị H trả số tiền 100.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 20/6/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử 31/12/2020 nhằm ngày 18/11/2020 (âm lịch) là 4,5 tháng, lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 3.735.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Ngọc H, anh Lưu Minh T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Thị Đ và anh Lưu Minh T, chị Trần Thị Ngọc H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, chị Đ yêu cầu chị H, anh T cùng trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/6/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử 31/12/2020 nhằm ngày 18/11/2020 (âm lịch) là 4,5 tháng, lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 3.735.000 đồng, tổng cộng là 103.735.000 đồng, thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ là có cơ sở, bởi lẽ giữa chị Đ và chị H, anh T có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là tờ giấy mượn tiền do anh T, chị H

cùng ký tên, ghi rõ họ tên và lấn tay xác nhận. Thời hạn mượn là 01 năm nhưng từ khi vay đến nay chị H, anh T không trả vốn cũng như trả lãi mặc dù chị Đ nhiều lần đến đòi. Chị H, anh T đã vi phạm thỏa thuận, vi phạm thời hạn trả nợ làm thiệt thòi quyền lợi của chị Đ. Do đó, cần buộc chị H, anh T cùng liên đới trả cho chị Đ số tiền vốn, lãi là 103.735.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

Chị H, anh T vắng mặt xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như anh chị không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ.

Buộc chị Trần Thị Ngọc H, anh Lưu Minh T cùng liên đới trả cho chị Lê Thị Đ số tiền vốn và lãi là 103.735.000 đồng (*một trăm lẻ ba triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đ cho đến khi thi hành án xong, chị H, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Trần Thị Ngọc H, anh Lưu Minh T cùng phải chịu số tiền 5.187.000 đồng (*năm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Đ có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với chị H, anh T có quyền kháng cáo tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án

Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình